TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG PẮC** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/DS-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2025
V/v:"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Viết Chấn.

2. Bà Nguyễn Thị Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Hòa Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025, tại phòng xử án, Trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Pắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST – TA ngày 04/4/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP A (Ngân hàng)

Địa chỉ: XX Nguyễn Thị Minh Kh, phường XX, quận XX, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph – Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L - Phó giám đốc quản lý nhân sự.

Địa chỉ: Lầu XX, tòa nhà Ngân hàng, số XX C, quận xx, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Đinh Ngọc Hoàng.

Địa chỉ: Số xx H, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Đình Th, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Th (nay là thôn Th), xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn Th (nay là thôn Th), xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

Nơi cư trú: Thôn Ph, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt – có đơn xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Vĩnh N.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 7 năm 2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A ông Đinh Ngọc H trình bày:

Ngày 05/10/2021, Ngân hàng TMCP A (ACB) – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K (Viết tắt là Ngân hàng) và ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th ký kết Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **KRP.CN.3302.041021;** Hợp đồng cấp tín dụng số **KRP.CN.3298.041021** để ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th vay số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích cho vay để Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn lưu động kinh doanh buôn chuyến nông sản. Phương thức cho vay: Cho vay theo hạn mức tín dụng. Phương thức giải ngân được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể. Thời hạn cho vay: Không quá 11 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu. Thời hạn giải ngân là 06 tháng, kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng. Lãi suất trong hạn được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay nói trên ông Th, bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng: Đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **408**, tờ bản đồ số **4**, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CLxx**, số vào sổ cấp GCN: CS/00873 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2017 cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th. Tài sản thế chấp được được công chứng tại Phòng Công chứng số XX tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 8146; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 05/10/2021.

Ngày 05/10/2021, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th bằng Khế ước nhận nợ số **KRP.CN.3298.041021/01** ngày 05/10/2021, số tiền là 700.000.000 đồng. Ngày 05/09/2022, khoản vay này đến hạn trả nợ, đến ngày 09/09/2022 ông Th, bà Th đã thanh toán hết dư nợ của khế ước này.

Cùng ngày 09/09/2022, theo đề nghị của ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th, Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th bằng Khế ước nhận nợ số **KRP.CN.3298.041021/02** (số tham chiếu: 371960729), số tiền giải ngân là 700.000.000 đồng, phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số **21358767** của ông Nguyễn Đình Th tại Ngân hàng, thời hạn cho vay: Từ ngày 10/09/2022 đến ngày 09/08/2023. Lãi suất trong hạn: 9.50 %/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng; Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS +3,00%/năm; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng từ ngày 09/9/2022 đến ngày 09/07/2023, ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th đã thanh toán tổng số tiền lãi,

phạt là 67.695.818 đồng (trong đó bao gồm lãi 67.583.563 đồng và tiền phạt do chậm thanh toán là 112.255 đồng).

Kể từ ngày 10/07/2023, ông Th, bà Th không tiếp tục thanh toán lãi, vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do đó, căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn và chuyển nợ quá hạn, thì: Ngày 10/08/2023, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 700.000.000 đồng của Khế ước nhận nợ nêu trên sang nợ quá hạn.

Ngày 23/03/2024, ACB trích thu tự động số tiền 647.163 đồng từ tài khoản số **21358767** của ông Nguyễn Đình Th mở tại Ngân hàng, số tiền này Ngân hàng thu vào nợ gốc, nợ gốc giảm từ 700.000.000 đồng xuống còn 699.352.837 đồng. Tổng số tiền lãi, phí phạt mà ông Th, bà Th còn nợ Ngân hàng từ ngày 10/07/2023 đến ngày 23/03/2024 là 90.738.534 đồng.

Ngày 06/04/2024, Ngân hàng trích thu tự động số tiền 03 đồng từ tài khoản số **21358767** của ông Nguyễn Đình Th mở tại Ngân hàng, số tiền này Ngân hàng thu vào nợ gốc, nên nợ gốc còn 699.352.834 đồng. Tổng số tiền lãi, phí phạt mà ông Th, bà Th nợ Ngân hàng từ ngày 10/07/2023 đến ngày 06/04/2024 là 95.991.565 đồng.

Do quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền tiền nợ gốc là 647.166 đồng và tiền lãi đến hết tháng 7/2023; khoản nợ gốc còn lại là 699.352.834 đồng đã chuyển sang quá hạn từ ngày 10/08/2023. Ngân hàng đã đôn đốc nhắc nhở để ông Th, bà Th thực hiện việc thanh toán nợ cho Ngân hàng song không có kết quả.

Do đó Ngân hàng khởi kiện ông Th, bà Th đến Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc. Nguyện vọng của Ngân hàng là:

1. Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th trả ngay cho ACB tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 21/4/2025 là 943.052.820 đồng. Trong đó gồm: gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng; lãi quá hạn là 223.173.810 đồng; lãi phạt là 13.334.396 đồng.

2. Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ của ACB kể từ ngày 22/04/2025 đến khi trả hết nợ.

3. Nếu ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì tài sản bảo đảm được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **408**, tờ bản đồ số **4**, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th**.**

+ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Đình Th trình bày:

Tôi và Đặng Thị Th nguyên là vợ chồng (đã ly hôn năm 2022) tôi thừa nhận lời trình bày của ông Đinh Ngọc H về khoản tiền vay, thời gian vay, số tiền vay là đúng thực tế. Cụ thể :

Ngày 05/10/2021, tôi và bà Đặng Thị Th có đến Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K ký kết Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **KRP.CN.3302.041021;** Hợp đồng cấp tín dụng số **KRP.CN.3298.041021** để vay số tiền 700.000.000 đồng. Tuy nhiên, số tiền trên không phải vay cho tôi và bà Th mà chúng tôi chỉ đứng tên để vay dùm cho em bà Th là Đặng Vĩnh N. Địa chỉ: Thôn Ph, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Chúng tôi chỉ đứng vay dùm cho ông Năm số tiền trên trong thời hạn 01 năm. Đến năm 2022 khi đến hạn trả nợ, ông Năm lại nhờ gia hạn thêm một năm nên vợ chồng tôi lại Ký tiếp khế ước nhận nợ số **KRP.CN.3298.041021/02** (số tham chiếu: 371960729) ngày 09/09/2022, vay Ngân hàng số tiền 700,000,000 đồng. Thời hạn cho vay: Từ ngày 10/09/2022 đến ngày 09/08/2023. Lãi suất trong hạn 9.50 %/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng; Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS+3,00%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi 10%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay trên tôi và bà Th đã thế chấp cho Ngân hàng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số **408**, tờ bản đồ số **4**, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của tôi và bà Đặng Thị Th theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CLxx**, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2017 cho tôi và bà Th. Hợp đồng thế chấp tài sản số **KRP.BĐCN.220.041021** được công chứng tại Phòng Công chứng số XX tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 8146; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 05/10/2021.

Sau khi ký khế ước nhận nợ cùng ngày Ngân hàng đã chuyển tiền 700.000.000 đồng vào tài khoản thanh toán số **21358767** của tôi mở tại Ngân hàng A.

Thực tế tôi và bà Th không sử dụng số tiền trên mà ngay sau khi Ngân hàng chuyển tiền vào tài khoản cho tôi thì tôi đã rút toàn bộ số tiền nói trên ra rồi giao hết cho ông Đặng Vĩnh N (em vợ tôi). Nay Ngân hàng khởi kiện buộc tôi và bà Đặng Thị Th trả ngay cho Ngân hàng A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 19/06/2024 là **823.380.113** đồng *(Bằng chữ: Tám trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn, một trăm mười ba đồng)*, trong đó gồm: vốn gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng, lãi quá hạn 113.241.293 đồng, phạt chậm trả lãi 3.594.205 đồng, buộc tôi và bà Đặng Thị Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ của Ngân hàng A kể từ ngày **20/06/2024** đến ngày trả hết nợ. Tôi chấp hành, tuân thủ theo quy định của pháp luật trong việc Ngân hàng khởi kiện tôi và bà Th. Tuy nhiên, tiền trên tôi vay dùm cho ông Đặng Vĩnh N, nên đề nghị Tòa án buộc ông N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

+ Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Đặng Thị Th trình bày:

Bà Th thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Đình Th và ACB về thời gian vay, số tiền đã vay, lãi suất của Ngân hàng, tài sản bảo đảm cho khoản vay là đúng thực tế.

Theo bà Th sau khi vay bà sử dụng số tiền trên buôn bán, thức ăn gia súc chứ không phải vay dùm cho ông N như ông Th đã trình bày. Sau khi vay thì dịch Covid bùng phát nên gia súc, gia cầm không bán được dẫn đến thua lỗ, mất khả năng thanh toán gốc mà chỉ thanh toán được một phần tiền lãi. Hiện tại toàn bộ số tiền nợ gốc đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng cũng đã đôn đốc nhắc nhở nhưng vợ chồng tôi không không có khả năng trả nợ. Tính đến ngày 19/06/2024, bà và ông Th còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là **823.380.113** đồng *(Bằng chữ: Tám trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn, một trăm mười ba đồng)*, trong đó gồm: vốn gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng, lãi quá hạn 113.241.293 đồng, phạt chậm trả lãi 3.594.205 đồng.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà và ông Th trả cho Ngân hàng số tiền còn nợ còn tính đến ngày 19/06/2024 là **823.380.113** đồng *(Tám trăm hai mươi ba triệu, ba trăm tám mươi ngàn, một trăm mười ba đồng)*, trong đó gồm: vốn gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng, lãi quá hạn 113.241.293 đồng, phạt chậm trả lãi 3.594.205 đồng và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh từ ngày 20/6/2024 đến khi giải quyết xong nợ. Quan điểm của bà Th là: Hiện nay bà và ông Th đã ly hôn, bản thân bà không có khả năng trả nợ do vậy bà đồng ý để ngân hàng phát mãi tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Vĩnh N đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Năm không đến Tòa án để lập bản tự khai, không tham gia phiên họp, phiên hòa giải nên không có lời khai của ông N.

Do các đương sự không có mặt đầy đủ, các đương sự không thống nhất với nhau về việc giải quyết hồ sơ vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 203 và Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đinh Ngọc H đề nghị HĐXX buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Nguyễn Thị Th phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng tính đến ngày 21/4/2025 là 943.052.820đồng. Trong đó gồm: gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng; lãi quá hạn là 223.173.810 đồng; lãi phạt là 13.334.396 đồng; Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th còn phải tiếp tục trả tiền lãi, phạt chậm trả lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung, Hợp đồng cấp tín dụng, Khế ước nhận nợ của ACB kể từ ngày 22/04/2025 đến khi trả hết nợ; trường hợp ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì đề nghị xử lý tài sản Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **408**, tờ bản đồ số **4**, địa chỉ: xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th được cơ quan có thẩm quyền xử lý để thu hồi nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Vĩnh N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham dự phiên tòa phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa bị đơn bà Đặng Thị Thị Th vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt, ông Nguyễn Đình Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Vĩnh Năm vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466; khoản 2 Điều 292; Điều 293 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Đề nghị HĐXX: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A. Buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc là 699.352.834 đồng, tiền lãi trong hạn, quá hạn phát sinh theo hợp đồng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trong trường hợp ông Nguyễn Đình Th và bà Đặng Thị Th không thanh toán được nợ hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự phát mãi toàn bộ tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

+ Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP A đề ngày 08/7/2024, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắk, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Đình Th và bà Đặng Thị Th cư trú tại, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Đình Th, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Vĩnh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Th, ông N.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 699.352.834 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng như hai bên đã ký kết. Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 05/10/2021, Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đắk Lắk – Phòng giao dịch K và ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th ký kết Thỏa thuận về các điều khoản và điều kiện tín dụng chung số **KRP.CN.3302.041021;** Hợp đồng cấp tín dụng số **KRP.CN.3298.041021** theo đó Ngân hàng cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th vay số tiền 700.000.000 đồng. Mục đích cho vay để Sản xuất kinh doanh – Bổ sung vốn lưu động – Bổ sung vốn lưu động kinh doanh buôn chuyến nông sản. Cùng ngày Ngân hàng đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th số tiền là 700.000.000 đồng bằng Khế ước nhận nợ số **KRP.CN.3298.041021/01** ngày 05/10/2021. Ngày 05/09/2022, khoản vay này đến hạn trả nợ, đến ngày 09/09/2022 ông Th, bà Th đã thanh toán hết dư nợ của khế ước này.

Sau khi thanh toán hết khoản tiền của Khế ước nhận nợ số **KRP.CN.3298.041021/01** ngày 05/10/2021. Theo yêu cầu của ông Th, bà Th ngày 09/09/2022, Ngân hàng tiếp tục đã giải ngân cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th số tiền 700.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số **KRP.CN.3298.041021/02** (số tham chiếu: 371960729), phương thức giải ngân: Chuyển tiền vào tài khoản thanh toán số **21358767** của ông Nguyễn Đình Th tại Ngân hàng A.

Xét việc giao kết hợp đồng tín dụng số: Hợp đồng cấp tín dụng số **KRP.CN.3298.041021** ngày 05/10/2021 giữa ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th với Ngân hàng Thương mại cổ phần A là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th với ACB là có thực và hợp pháp. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Đình Th cho rằng ông và bà Th chỉ vay dùm số tiền trên cho ông Đặng Vĩnh N, nên sau khi Ngân hàng giải ngân vào tài khoản của ông thì ông đã rút toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng và giao toàn bộ số tiền đó cho ông Năm nên ông Th yêu cầu ông Năm trả số nợ trên cho Ngân hàng. Tuy nhiên, ông Th không có chứng cứ nào chứng minh cho ý kiến của mình. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án bà Th thừa nhận sau khi vay tiền bà Th đầu tư vào chăn nuôi nhưng do dịch bệnh nên gia súc nuôi ra không bán được dẫn đến thua lỗ nên sau khi vay số tiền 700.000.000 đồng bà và ông Th chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 647.166đ và tiền lãi đến hết tháng 7/2023 thì không tiếp tục thanh toán nợ cho Ngân hàng nữa. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định ông Th, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Hiện nay khoản tiền nợ gốc đã quá hạn nhưng, ông Th, bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông Th, bà Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác"*.

Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, nên cần buộc bà Đặng Thị Th, ông Nguyễn Đình Th phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 699.352.834 đồng tiền gốc là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Đối với việc ông Nguyễn Đình Th cho rằng ngay sau khi Ngân hàng chuyển số tiền 700.000.000đồng vào tài khoản của ông thì ông đã rút toàn bộ số tiền trên giao cho ông Đặng Vĩnh N chứ ông và bà Th không sử dụng số tiền trên. Do vậy, đề nghị Tòa án buộc ông Đặng Vĩnh N trả lại số tiền trên cho Ngân hàng. Ý kiến này của Th không được Ngân hàng đồng ý. Do vậy, trong trường hợp cần thiết thì ông Th có quyền khởi kiện để yêu cầu ông N thanh toán lại số tiền trên cho ông Th số tiền trên là phù hợp.

+ Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 9.50 %/năm, cố định trong thời hạn 03 tháng; Lãi suất sau đó được điều chỉnh 03 tháng/lần theo công thức sau: Lãi suất (%/năm) = LSCS+3,00%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất phạt chậm trả lãi: 10%/năm. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ tháng 8/2023 cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

+ Tiền lãi trong hạn được tính như sau:

Khoản vay của ông Th bà Th có thời hạn 11 tháng (09/09/2022 đến 09/8/2023). Sau khi vay ông Th, bà Th đã thanh toán tiền lãi đến tháng 7 năm 2023. Như vậy ông Th bà Th lãi còn tiền lãi hạn tháng 8/2023.

Từ ngày 10/7/2023 đến 09/9/2023 là 30 ngày tiền lãi là (700.000.000 đồng x 30 ngày x 12,5%): 365 ngày = 7.191.781đồng (I)

+ Tiền lãi quá hạn là:

Từ ngày 10/8/2023 đến ngày 23/3/2024 là 227 ngày tiền lãi là 700.000.000đ x 227 ngày x (12,5% x 150% = 18,75%) : 365 = 81.626.712 đồng (II).

Ngày 23/3/2023 ông Th, bà Th thanh toán 647.166 đồng tiền nợ gốc, nên số tiền nợ gốc còn lại 699.352.837. Từ ngày 23/3/2024 đến 06/4/2024 là 14 ngày tiền lãi là: 699.352.837 x 14 ngày x (12.5% x 150% =18,75%) : 365 ngày = 5.029.592 đồng (III).

Ngày 06/4/2024 ông Th bà Th thanh toán được 3 đồng số tiền nợ gốc, nên số tiền nợ gốc còn lại 699.352.834. Từ ngày 06/4/2024 đến 21/4/2025 là 380 ngày tiền lãi là: 699.352.834 x 380 ngày x (12.5% x 150% =18,75%): 365 = 136.517.505đồng (IV).

+ Tiền lãi chậm thanh toán lãi từ ngày 10/7/2023 đến ngày 21/4/2025 741 ngày là (7.191.781đồng x 741 ngày x 10%) : 30 = 17.763.699 đồng (V).

Tuy nhiên, Ngân hàng A chỉ yêu cầu ông Th, bà Th trả cho Ngân hàng số tiền lãi chậm thanh toán là 13.334.396 đồng là có có lợi cho bị đơn. Do đó cần

buộc ông Th bà Th phải trả cho Ngân hàng số tiền lãi chậm thanh toán tiền lãi là 13.334.396 đồng là không trái quy định của pháp luật.

Như vậy cần buộc ông Nguyễn Đình Th và bà Đặng Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng số tiền tổng cộng là cả gốc và lãi là **943.052.820đ** (Chín trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi đồng), trong đó gồm: gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng; lãi quá hạn là 223.173.810 đồng; tiền lãi phạt là 13.334.396đồng**.**

[4] Về tài sản thế chấp: Hợp đồng thế chấp tài sản số **KRP.BĐCN.220.041021** được công chứng tại Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Lắk, số công chứng 8146; đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk ngày 05/10/2021 là đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số **408**, tờ bản đồ số **4**, địa chỉ: xã Ea K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CL 156360**, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2017 cho ông và bà Th. Như vậy, Hợp đồng thế chấp tài sản được ký giữa Ngân hàng với ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, trường hợp ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thanh toán nợ tiền vay gốc và các khoản tiền lãi suất phát sinh, các khoản phí và chi phí phát sinh trên số tiền vay gốc.

Sau khi ông ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số **CL 156360** cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th theo quy định của pháp luật.

[6] Về chi phí tố tụng: Để có căn cứ giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí hết 2.500.000 đồng số tiền này Ngân hàng đã nộp tạm ứng và Tòa án đã chi phí xong. Đối với tiền chi phí này bị đơn phải chịu. Như vậy, cần buộc ông Th, bà Th có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 2.500.000 đồng tiền chi phí thẩm định.

[7] Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án, buộc ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th phải trả cho Ngân hàng số tiền tổng cộng là **943.052.820 đ.** Nên ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th phải chịu 40.270.019 đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Theo mức tính như sau: [800.000.000đ = 36.000.000đ + (143.052.820 đ x 3%)] = 40.291.584 đồng. Tuy nhiên, theo căn cước công dân số 066063000114 do Cục quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/4/2021 cho ông Nguyễn Đình Th thì ông Th sinh ngày 10/3/1963 thì hiện nay ông Th đã trên 60 tuổi, ông Th có đơn xin miễn tiền án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tòa án miễn toàn bộ án phí cho ông Th. Bà Đặng Thị Th phải

chịu 40.291.574 đồng : 2 = 20.145.792 đồng (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần A số tiền 18.351.000đ (Mười tám triệu, ba trăm năm mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc theo biên lai thu số AA/2023/0006044 ngày 03/10/2024**.**

[8] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tại phiên tòa là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 157; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 292; Điều 293; Điều 463, Điều 466 của BLDS 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH - ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

Buộc ông Nguyễn Đình Th và bà Đặng Thị Th phải trả cho cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền tổng cộng là **943.052.820đ** (Chín trăm bốn mươi ba triệu không trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm hai mươi đồng), trong đó gồm: gốc 699.352.834 đồng, lãi trong hạn 7.191.781 đồng; tiền lãi quá hạn là 223.173.810 đ; tiền lãi phạt là 13.334.396đồng.

Kể từ ngày 22/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo hợp đồng của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

Sau khi ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có nghĩa vụ trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất **CL 156360** cho ông Th, bà Th theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Th, bà Th không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số **408**, tờ bản đồ số **4**, diện tích 1175m^2, trong đó đất ở là 130m^2; đất trồng cây lâu năm 1045m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CL 156360**, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/10/2017 cho ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th. Địa chỉ thửa đất: Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Đình Th và bà Đặng Thị Th phải chịu 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền chi phí thẩm định tại chỗ. Ngân hàng TMCP A được nhận lại số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) khi thu được từ ông Nguyễn Đình Th, bà Đặng Thị Th.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho ông Nguyễn Đình Th. bà Đặng Thị Th phải chịu 20.145.792 đồng (Hai mươi triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm chín mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng A số tiền 18.351.000đ (Mười tám triệu, ba trăm năm mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu số AA/2023/0006044 ngày 03/10/2024.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Pắc;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND H. Krông Krông Pắc;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.